

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày 17/03/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đức Chính**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Minh**

Ông **Nguyễn Sỹ Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Duy** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Hồng Quân** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn A; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/11/2003, tại xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: lớp 6/12; Con ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị T1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01, Bản án số 12/2023/HSST, ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đã chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 191/2020/HSST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích). Ngày 03/8/2021 bị Công an quận N, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với số tiền 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (đã hết thời hiệu thi hành quyết định). Bản án số 354/2021/HSST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích). Bản án số 541/2021/HSST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (đã được xóa án tích).

- Bị hại:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Q, Sinh năm: 1988; Nghề nghiệp: Buôn bán;

2. Ông Phan Thanh T2, sinh năm: 1985; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Đều trú tại: Số nhà A, đường C, tổ dân phố D, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; Nghề nghiệp: Hưu trí; Địa chỉ: số nhà A, ngõ B, đường N, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Cán bộ, chiến sĩ hỗ trợ phiên tòa tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh H.

Đồng chí Nguyễn Trọng V – Tổ trưởng tổ chỉ huy dẫn giải

Đồng chí Lê Bá Mạnh H1 – Đội cảnh sát bảo vệ

Đồng chí Nguyễn Trọng K - Đội cảnh sát bảo vệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 ngày 14/12/2024, Trần Văn A đi bộ trên một số tuyến đường thuộc địa phận thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để trộm cắp tài sản. Khi đi đến đường C thuộc phường N (nay là phường B), A đi vào cửa hàng T3 đường C, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh của ông Phan Thanh T2 và bà Hoàng Thị Thanh Q không có người. A đi đến tủ tính tiền đặt bên phải cửa ra vào theo hướng từ ngoài vào thấy chìa khóa cắm sẵn ở ngăn kéo và dùng tay vặn chìa khóa mở và kéo ngăn tủ ra, lấy toàn bộ tiền và ví tiền trong ngăn kéo giấu vào bên trong áo khoác A đang mặc và nhanh chóng bỏ đi. Trên đường đi, A mở ví thấy bên trong có nhiều tiền và giấy tờ, A vớt toàn bộ giấy tờ vào sân nhà bà Nguyễn Thị H (tại phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). A đi đến trước một quán cà phê đã đóng cửa (A không nhớ địa chỉ) lấy toàn bộ tiền A vừa lấy trộm ra xếp lại theo mệnh giá, vì số lượng tiền nhiều nên A chỉ đếm đến 6.200.000 đồng thì không đếm nữa, A ước tính tổng số tiền mà A lấy trộm khoảng 10.000.000 đồng. Sau đó, A đón xe taxi đi đến quán T4 tại đường L, thành phố H chơi game. Số tiền sau khi lấy trộm Trần Văn A đã sử dụng mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A06 màu xanh giá 2.990.000 đồng, 01 bộ sạc điện thoại nhãn hiệu ZHICOO màu trắng giá 250.000 đồng, 01 sim điện thoại giá 250.000 đồng, tiền ăn uống, chơi game, đi xe taxi, thanh toán nhà nghỉ 1.980.000 đồng. Số tiền còn lại A cất giấu trong người. Ngày 17/12/2024, Công an phường N (nay là phường B) triệu tập Trần Văn A đến làm việc, tại đây A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và tự nguyện giao nộp số tiền 7.067.000 đồng. Theo lời khai của bị hại bà Hoàng Thị Thanh Q và ông Phan Thanh T2 tổng số tiền bị mất là 26.050.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS-TPHT ngày 27/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố Trần Văn An về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn A từ 18 – 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Ý kiến tranh luận của bị cáo thừa nhận có hành vi trộm cắp tài sản, không thừa nhận đã trộm cắp 26.050.000 đồng. Chỉ thừa nhận trộm 10 triệu đồng.

Ý kiến tranh luận của bị hại: Hôm đó gần cuối ngày, chuẩn bị nghỉ bán hàng đã kiểm đếm số tiền bán trong ngày, gồm nhiều loại mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng và loại thấp nhất là 1000 đồng nhưng phần lớn là loại 500.000 đồng. Tổng số tiền là 26.050.000 đồng, được xếp theo từng loại mệnh giá tiền, cất vào ngăn tủ và ví.

Ý kiến của kiểm sát viên: Lời khai của bị cáo là không có cơ sở, giữ nguyên quan điểm buộc tội bị cáo chiếm đoạt 26.050.000 đồng là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, bị hại, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 14/12/2024, đột nhập vào nhà ông Phan Thanh T2 và bà Hoàng Thị Thanh Q tại số nhà A, đường C, thuộc tổ dân phố D, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn A bí mật lén lút chiếm đoạt toàn bộ số tiền trong ngăn kéo tủ tính tiền và toàn bộ số tiền trong ví đặt trong tủ. Sau khi chiếm đoạt bị cáo kiểm đếm tiền, đến 6.200.000 đồng thấy số tiền nhiều quá nên không đếm nữa. Bị cáo ước lượng số tiền khoảng 10.000.000 đồng. Bị cáo khai nhận sau khi chiếm đoạt đã sử dụng 5.470.000 đồng (bao gồm 2.990.000 đồng mua điện thoại, 250.000 đồng mua bộ sạc điện thoại, 250.000 đồng mua sim điện thoại, 1.980.000 đồng

thanh toán tiền ăn uống, chơi game, đi xe taxi, thanh toán nhà nghỉ), số tiền cơ quan công an thu giữ được là 7.067.000 đồng. Tổng số tiền đã sử dụng theo lời khai bị cáo và số tiền cơ quan công an thu giữ là 12.537.000 đồng nên bị cáo khai chiếm đoạt 10.000.000 đồng là không có căn cứ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại đều khai vào cuối ngày đã kiểm đếm tiền là 26.050.000 đồng, cất vào ví và tủ nên nhớ chính xác số tiền bị mất là 26.050.000 đồng. Bị cáo đột nhập vào nhà bị hại lấy toàn bộ số tiền trong tủ và trong ví của bị hại. Do đó, có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 26.050.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại khoản 1 điều 53 Bộ luật hình sự là “Tái phạm” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo quanh co không thừa nhận số tiền đã chiếm đoạt nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi của Trần Văn A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và nhân thân rất xấu, khai báo không thành khẩn, có 01 tình tiết tăng nặng. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thích đáng.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp và tài sản, thu nhập không có. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Xét luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, mức án phù hợp.

[8] Về dân sự: Bị hại bà Hoàng Thị Thanh Q sau khi nhận lại số tiền 7.067.000 đồng, tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.983.000 đồng là có cơ sở được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 48 và khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 589 buộc bị cáo phải bồi thường.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo Trần Văn A số tiền 7.067.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A06, màu xanh lam đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353818871475594, IMEI 2: 356850901475598; 01 chiếc ví màu xám đã cũ có kích thước 20cm x 10,5cm; 01 sạc điện thoại (củ sạc và dây sạc) nhãn hiệu ZHICOO màu trắng đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị Thanh Q số tiền 7.067.000 đồng và 01 chiếc ví màu xám đã cũ có kích thước 20cm x 10,5cm là phù hợp. Căn cứ khoản 1 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A06, màu xanh lam đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353818871475594, IMEI 2: 356850901475598, 01 sạc điện thoại (củ sạc và dây sạc) nhãn hiệu ZHICOOL màu trắng đã qua sử dụng thu tại Trần Văn A để đảm bảo thi hành án.

[11] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Trần Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: T (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A06, màu xanh lam đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353818871475594, IMEI 2: 356850901475598; 01 sạc điện thoại (củ sạc và dây sạc) nhãn hiệu ZHICOOL màu trắng đã qua sử dụng thu tại Trần Văn A.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự buộc Trần Văn A bồi thường số tiền 18.983.000 đồng cho bà Hoàng Thị Thanh Q và ông Phan Thanh T2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thực hiện xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 6, khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 949.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp quyền

lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh HT;
- T.H.A.P.T;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Bị cáo, bị hại, Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Chính